

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05-41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-41



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 21/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên
Ông Phạm Mạnh Hà	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Quý	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hà	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2015

Số: 1365 /2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

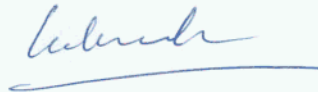
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		271.004.689.569	263.189.019.182
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	18.859.443.381	18.095.793.648
111	1. Tiền		8.679.443.381	6.498.793.648
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.180.000.000	11.597.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	37.893.000.000	90.628.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		37.893.000.000	90.628.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		166.502.179.429	114.297.595.633
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	152.452.904.964	102.969.872.097
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.479.649.112	1.303.295.774
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		10.000.000.000	10.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.631.566.140	1.106.368.549
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.061.940.787)	(1.081.940.787)
140	IV. Hàng tồn kho	8	47.365.916.263	39.782.872.337
141	1. Hàng tồn kho		47.365.916.263	39.782.872.337
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		384.150.496	384.757.564
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	361.359.691	384.757.564
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	22.790.805	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		387.071.812.902	371.285.674.159
220	II. Tài sản cố định		66.518.177.333	70.589.751.645
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	66.467.343.994	70.526.418.308
222	- Nguyên giá		151.929.202.645	152.289.916.533
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(85.461.858.651)	(81.763.498.225)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	50.833.339	63.333.337
228	- Nguyên giá		75.000.000	122.381.873
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.166.661)	(59.048.536)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	2.241.684.867	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.241.684.867	-
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	314.904.841.279	296.891.931.192
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		314.904.841.279	296.891.931.192
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.407.109.423	3.803.991.322
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.325.208.261	3.754.026.572
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		81.901.162	49.964.750
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		658.076.502.471	634.474.693.341

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		118.657.081.712	76.063.749.778
310	I. Nợ ngắn hạn		115.089.884.377	70.675.090.469
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	60.036.375.899	21.928.470.395
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.900.314.814	1.657.014.749
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.329.534.492	6.096.878.752
314	4. Phải trả người lao động		5.833.786.431	12.842.502.047
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.740.380.834	1.052.753.611
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	3.464.212.688	2.767.517.405
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.277.374.879	825.973.703
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	22.694.358.573	11.229.600.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	10.249.797.804	7.660.117.990
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.563.747.963	4.614.261.817
330	II. Nợ dài hạn		3.567.197.335	5.388.659.309
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	19	1.930.197.335	3.751.659.309
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.637.000.000	1.637.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		539.419.420.759	558.410.943.563
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	538.564.283.290	557.467.541.810
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		322.450.000.000	322.450.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		322.450.000.000	322.450.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		241.768.693	241.768.693
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		4.688.778.777	4.046.642.822
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		196.628.572.459	215.690.864.838
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		169.044.139.317	159.951.925.464
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ này		27.584.433.142	55.738.939.374
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		16.144.575.961	16.627.678.057
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		855.137.469	943.401.753
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		855.137.469	943.401.753
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		658.076.502.471	634.474.693.341

Lê Thanh Hải
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Yên
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	264.880.634.669	235.025.501.072
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	327.682.592	3.032.866.616
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		264.552.952.077	231.992.634.456
11	4. Giá vốn hàng bán	24	231.494.740.954	199.936.180.864
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.058.211.123	32.056.453.592
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	4.349.065.553	65.195.999.663
22	7. Chi phí tài chính	26	558.237.171	505.318.265
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		392.846.946	502.205.286
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		18.012.910.087	(41.415.034.092)
25	9. Chi phí bán hàng	27	10.351.844.201	8.553.535.033
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	13.681.343.442	16.069.843.774
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.828.761.949	30.708.722.091
31	12. Thu nhập khác	29	818.912.500	724.760.246
32	13. Chi phí khác	30	467.320.644	190.612.919
40	14. Lợi nhuận khác		351.591.856	534.147.327
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.180.353.805	31.242.869.418
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	2.507.755.537	2.448.250.958
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(31.936.412)	(91.666.686)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>28.704.534.680</u>	<u>28.886.285.146</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		27.584.433.142	27.627.679.600
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.120.101.538	1.258.605.546
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	860	861

105
KING T
NHẬN
KING K
A
HOẠT


Lê Thanh Hải
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Yến
Kế toán trưởng


Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		31.180.353.805	31.242.869.418
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.114.683.288	3.823.216.815
03	- Các khoản dự phòng		748.217.840	(155.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.897.969	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(22.165.814.799)	(24.144.965.571)
06	- Chi phí lãi vay		392.846.946	502.205.286
08	14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.272.185.049	11.268.325.948
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(51.353.370.335)	(16.387.291.643)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(7.583.043.926)	(16.075.430.896)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		28.918.306.818	14.071.775.619
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		452.216.184	956.159.791
14	- Tiền lãi vay đã trả		(455.106.174)	(557.008.276)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.343.046.616)	(3.131.979.848)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.000.000	1.292.008.283
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.623.390.525)	(2.189.638.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.703.249.525)	(10.753.079.022)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.060.408.650)	(204.070.501)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		245.850.000	46.500.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(37.893.000.000)	(78.928.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		90.628.000.000	44.723.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.448.759.204	65.304.756.620
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		55.369.200.554	30.942.186.119
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		21.863.258.573	14.663.070.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(10.398.500.000)	(15.387.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(46.367.216.900)	(44.883.755.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(34.902.458.327)	(45.607.685.000)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		763.492.702	(25.418.577.903)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		18.095.793.648	52.978.788.551
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		157.031	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>18.859.443.381</u>	<u>27.560.210.648</u>



Lê Thanh Hải
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Yến
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 21/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 322.450.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 322.450.000.000 đồng; tương đương 32.245.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, sản phẩm chủ yếu của công ty là các loại động cơ điện, máy phát điện, thiết bị điện.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

Cấu trúc Tập đoàn

- **Tổng số Công ty con: 02 Công ty**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty

- **Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	70,02%	70,02%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 38.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

1110
CÔNG
H NHIỆP
NG KI
AI
DANH

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.



2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.



2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

1001
CỔ
RÁCH N
LĂNG
A
TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).





Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng (bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán). Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát (nếu có) sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.658.670.460	361.868.970
Tiền gửi ngân hàng	7.020.772.921	6.136.924.678
Các khoản tương đương tiền (*)	10.180.000.000	11.597.000.000
	18.859.443.381	18.095.793.648

(*) Tại 30/06/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng có giá trị 10.180.000.000 VND được gửi tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất từ 4,6%-4,8%.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	37.893.000.000	37.893.000.000	90.628.000.000	90.628.000.000
	37.893.000.000	37.893.000.000	90.628.000.000	90.628.000.000

Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn như sau:

Ngân hàng	Đơn vị	Ngày hợp đồng	Số tiền	Thời hạn	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	VND	20/04/2015	3.600.000.000	6 tháng	5,40%
	VND	10/04/2015	9.793.000.000	6 tháng	5,40%
	VND	23/06/2015	7.000.000.000	6 tháng	5,30%
	VND	12/03/2015	1.500.000.000	6 tháng	5,90%
	VND	08/04/2015	7.000.000.000	1 năm	6,70%
	VND	08/04/2015	4.000.000.000	6 tháng	5,60%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	11/06/2015	5.000.000.000	6 tháng	5,20%
Cộng			37.893.000.000		

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 30/06/2015 như sau

	30/06/2015		Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị hợp lý(*)	
	VND	VND	VND
- Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	179.842.195.109	314.904.841.279	-
	179.842.195.109	314.904.841.279	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 01/01/2015 như sau

	01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý(*) VND
- Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	179.842.195.109	296.891.931.192
	179.842.195.109	296.891.931.192

(*)Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo Phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên Báo cáo tài chính của Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm lập BCTC hợp nhất.

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	33.779.328.234	40.502.125.486
- Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng	33.803.069.072	2.706.238.700
- Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	20.557.330.200	-
- Công ty Điện lực Hoài Đức	2.645.152.400	12.074.918.900
- Các khách hàng khác	61.668.025.058	47.686.589.011
	152.452.904.964	102.969.872.097

	Mối quan hệ	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan			
- Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Tổng công ty	20.557.330.200	-
- Công ty CP Dây cáp điện Việt nam	Thành viên TCT	5.225.055	107.568.240
- Công ty CP Thiết bị điện	Thành viên TCT	5.767.779.241	413.199.842
- Công ty CP Chế tạo biến thế và Vật liệu điện Hà Nội	Thành viên TCT	-	26.383.500
- Công ty CP Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungary	Thành viên TCT	-	400.000.000
- Công ty CP chế tạo bơm Hải Dương	Thành viên TCT	33.779.328.234	40.502.125.486
- Viet Nam (Cambodia) Electrical Equipment Joint Stock Co., Ltd	Thành viên TCT	2.236.979.250	2.236.979.250
		62.346.641.980	43.686.256.318

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.510.083	-	142.202.292	-
- Tạm ứng	852.553.020	-	803.869.000	-
- Ký cược, ký quỹ	23.867.810	-	115.119.552	-
- Phải thu người lao động về thuế thu nhập cá nhân	7.974.750	-	9.672.105	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	674.250.000	-	-	-
- Phải thu khác	38.410.477	-	35.505.600	-
	1.631.566.140	-	1.106.368.549	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

7 . NỢ XẤU

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ khí Phong Anh	265.400.784	265.400.784	265.400.784	265.400.784
Công ty cổ phần xây lắp Hồng Hà	165.145.000	165.145.000	165.145.000	165.145.000
Công ty cổ phần cơ khí xây dựng số 4.	492.155.150	492.155.150	512.155.150	512.155.150
Các khoản khác	160.392.801	160.392.801	160.392.801	160.392.801
	1.083.093.735	1.083.093.735	1.103.093.735	1.103.093.735

(*) Giá trị có thể thu hồi được của các khoản nợ xấu được xác định trên cơ sở xét đoán của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.410.196.928	-	14.368.331.086	-
Công cụ, dụng cụ	493.298.993	-	657.103.158	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.863.579.830	-	3.354.159.178	-
Thành phẩm	24.789.684.763	-	20.438.166.153	-
Hàng hoá	809.155.749	-	965.112.762	-
	47.365.916.263	-	39.782.872.337	-

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	2.199.655.480	-
Công trình mở rộng nhà xưởng sửa chữa	2.199.655.480	-
- Mua sắm tài sản cố định	42.029.387	-
Lắp đặt hệ thống bơm dầu chân không	9.406.387	-
Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous	32.623.000	-
	2.241.684.867	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	64.270.165.202	70.912.206.747	15.527.553.908	1.579.990.676	152.289.916.533
- Mua trong kỳ	-	100.000.000	-	-	100.000.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	134.476.769	220.543.048	-	-	355.019.817
- Thanh lý, nhượng bán	(271.143.636)	(295.120.069)	(249.470.000)	-	(815.733.705)
Số dư cuối kỳ	64.133.498.335	70.937.629.726	15.278.083.908	1.579.990.676	151.929.202.645
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	26.554.625.680	43.707.443.444	10.407.338.452	1.094.090.649	81.763.498.225
- Khấu hao trong kỳ	1.078.400.784	2.334.123.397	613.022.393	76.636.716	4.102.183.290
- Thanh lý, nhượng bán	(71.847.927)	(172.153.377)	(159.821.560)	-	(403.822.864)
Số dư cuối kỳ	27.561.178.537	45.869.413.464	10.860.539.285	1.170.727.365	85.461.858.651
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	37.715.539.522	27.204.763.303	5.120.215.456	485.900.027	70.526.418.308
Tại ngày cuối kỳ	36.572.319.798	25.068.216.262	4.417.544.623	409.263.311	66.467.343.994

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.607.427.488 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính với nguyên giá là 75.000.000 đồng, khấu hao lũy kế đến ngày 30/06/2015 là 24.166.661 đồng, trong đó, khấu hao trong kỳ là 12.499.998 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	361.359.691	384.757.564
Công cụ dụng cụ xuất dùng	361.359.691	384.757.564
b) Dài hạn	3.325.208.261	3.754.026.572
Tiền thuê đất trả trước	2.349.101.116	2.393.099.812
Công cụ dụng cụ xuất dùng	246.413.332	398.858.338
Chi phí sửa chữa tài sản	729.693.813	962.068.422
	<u>3.686.567.952</u>	<u>4.138.784.136</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

13 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2015		Trong kỳ		30/06/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (1)	-	-	3.150.000.000	-	3.150.000.000	3.150.000.000
- Ngân hàng TNHH CTBC Chi nhánh Hồ Chí Minh (2)	-	-	4.248.000.000	-	4.248.000.000	4.248.000.000
- Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (3)	1.150.000.000	1.150.000.000	1.300.000.000	550.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000
- Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội (4)	100.000.000	100.000.000	-	50.000.000	50.000.000	50.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (5)	-	-	1.338.188.573	-	1.338.188.573	1.338.188.573
- Cán bộ công nhân viên (6)	9.979.600.000	9.979.600.000	11.827.070.000	9.798.500.000	12.008.170.000	12.008.170.000
	11.229.600.000	11.229.600.000	21.863.258.573	10.398.500.000	22.694.358.573	22.694.358.573

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014-HĐTĐHM/NHCT146-DIENCOHN ngày 17/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 27 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh;
 - + Thời hạn của khoản vay: quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ, tại thời điểm 30/06/2015 là 5,3%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2015: 3.150.000.000 đồng.
- (2) Thư tín dụng số STVN770-14 ngày 29/10/2014 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 01 năm, thời gian của khoản vay quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng không quá 150 ngày kể từ ngày giải ngân;
 - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, tại thời điểm 30/06/2015 là 5,3%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: vay không có tài sản đảm bảo.
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2015: 4.248.000.000 đồng.
- (3) Bao gồm 02 hợp đồng vay vốn sau:
- a) Hợp đồng vay vốn số 01/2014/HĐVV/TCKT ngày 22/04/2014 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 20/11/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 950.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
 - + Lãi suất cho vay: 6%/năm
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2015: 600.000.000 đồng.
- b) Hợp đồng vay vốn số 01/2015/HĐVV/TCKT ngày 18/04/2015 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 1.300.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
 - + Lãi suất cho vay: 6%/năm
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2015: 1.300.000.000 đồng.
- (4) Hợp đồng vay vốn số 03/2014/HĐVV/TCKT ngày 27/10/2014 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 100.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
 - + Lãi suất cho vay: 6%/năm
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2015: 50.000.000 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

- (5) Hợp đồng vay vốn số 150470058/2015/HĐTDHM/NHCT 923 -CTCP DIENCO HA NOI ngày 09/06/2015 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 5 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phục vụ kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 01 năm, thời gian của khoản vay quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, tại thời điểm 30/06/2015 là 6%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất quy định trong hợp đồng thế chấp.
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2015: 1.338.188.573 đồng.
- (6) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH chế tạo máy biến áp điện lực Hà Nội	12.305.901.923	12.305.901.923	-	-
- Shaanxi saame import and export Co.,LTD	17.948.370.000	17.948.370.000	-	-
- Công ty cổ phần sản xuất và thương mại EMIC	1.614.036.084	1.614.036.084	9.823.787.684	9.823.787.684
- Phải trả các đối tượng khác	28.168.067.892	28.168.067.892	12.104.682.711	12.104.682.711
	60.036.375.899	60.036.375.899	21.928.470.395	21.928.470.395

	Mối quan hệ	30/06/2015		01/01/2015	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
b) Phải trả người bán là các bên liên quan					
- Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Tổng Công ty	2.579.035.228	2.579.035.228	1.570.271.164	1.570.271.164
- Công ty cổ phần Khí cụ điện I - VINAKIP	Thành viên TCT	18.645.000	18.645.000	20.113.720	20.113.720
- Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Thành viên TCT	1.614.036.084	1.614.036.084	9.823.787.684	9.823.787.684
- Công ty cổ phần kinh doanh vật tư THIBIDI	Thành viên TCT	1.227.842.440	1.227.842.440	-	-
		5.439.558.752	5.439.558.752	11.414.172.568	11.414.172.568



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	4.249.045.993	6.440.884.819	9.395.160.657	22.790.805	1.317.560.960
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	15.667.200	15.667.200	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.717.055.001	2.507.755.537	2.343.046.616	-	1.881.763.922
Thuế Thu nhập cá nhân	-	96.626.800	914.413.501	880.830.691	-	130.209.610
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	34.150.958	3.714.701.845	3.748.852.803	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	6.096.878.752	13.596.422.902	16.386.557.967	22.790.805	3.329.534.492

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	203.262.394	265.521.622
- Chi phí trợ cấp thôi việc cho nhân viên	592.658.400	-
- Trích trước chi phí vận chuyển	442.740.000	362.980.000
- Chi phí phải trả khác	501.720.040	424.251.989
	<u>1.740.380.834</u>	<u>1.052.753.611</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	73.593.296	96.068.208
- Bảo hiểm xã hội	647.230.732	107.868.144
- Bảo hiểm y tế	36.711.463	14.852.924
- Bảo hiểm thất nghiệp	16.250.147	6.619.239
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13.418.300	9.842.000
- Các khoản thu nộp hộ học viên	450.170.941	341.066.451
- Thu tiền Đề tài nghiên cứu Bơm làm mát 150 m3	-	99.510.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	40.000.000	150.146.737
	<u>1.277.374.879</u>	<u>825.973.703</u>

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	372.000.000	-
- Các khoản học phí thu của học viên	3.092.212.688	2.767.517.405
	<u>3.464.212.688</u>	<u>2.767.517.405</u>

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	10.249.797.804	7.660.117.990
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	1.930.197.335	3.751.659.309
	<u>12.179.995.139</u>	<u>11.411.777.299</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	322.450.000.000	241.768.693	(1.589.412.600)	3.455.247.240	207.244.574.454	17.752.702.800	549.554.880.587
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	27.627.679.600	1.258.605.546	28.886.285.146
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	591.395.582	(2.367.530.989)	(197.907.605)	(1.974.043.012)
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	(1.277.028.980)	(1.277.028.980)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(44.925.118.000)	(1.020.464.000)	(45.945.582.000)
Số dư cuối kỳ trước	322.450.000.000	241.768.693	(1.589.412.600)	4.046.642.822	187.579.605.065	16.515.907.761	529.244.511.741
Số dư đầu kỳ nay	322.450.000.000	241.768.693	(1.589.412.600)	4.046.642.822	215.690.864.838	16.627.678.057	557.467.541.810
Lãi/lỗ trong kỳ nay	-	-	-	-	27.584.433.142	1.120.101.538	28.704.534.680
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	500.000.000	(1.300.000.000)	-	(800.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(44.925.118.000)	(1.445.675.200)	(46.370.793.200)
Phân phối lợi nhuận của Công ty con	-	-	-	142.135.955	(421.607.521)	(157.528.434)	(437.000.000)
Số dư cuối kỳ nay	322.450.000.000	241.768.693	(1.589.412.600)	4.688.778.777	196.628.572.459	16.144.575.961	538.564.283.290

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 06/04/2015, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	79.552.192.002
Trích Quỹ đầu tư phát triển	0,63%	500.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,63%	500.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	0,38%	300.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 14% vốn điều lệ)	56,47%	44.925.118.000
Lợi nhuận chưa phân phối	41,89%	33.327.074.002



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	65,84%	212.287.500.000	65,84%	212.287.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	33,68%	108.606.200.000	33,68%	108.606.200.000
Cổ phiếu quỹ	0,48%	1.556.300.000	0,48%	1.556.300.000
	100%	322.450.000.000	100%	322.450.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	322.450.000.000	322.450.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	322.450.000.000	322.450.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	322.450.000.000	322.450.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.245.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.245.000	32.245.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.245.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.630	155.630
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.630	155.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.089.370	32.089.370
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.089.370	32.089.370
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.688.778.777	4.046.642.822
	4.688.778.777	4.046.642.822

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2015	01/01/2015
- Đồng Đô la Mỹ	383,07	382,89
	383,07	382,89

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Nợ khó đòi đã xử lý	3.706.210.146	3.706.210.146
	<u>3.706.210.146</u>	<u>3.706.210.146</u>

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	123.149.875.612	118.347.250.174
Doanh thu bán hàng hóa	105.254.557.918	84.493.314.945
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.476.201.139	32.184.935.953
	<u>264.880.634.669</u>	<u>235.025.501.072</u>

	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	30.291.756.000	348.935.200
- Công ty CP Dây cáp điện Việt nam	294.190.678	-
- Công ty CP Thiết bị điện	11.703.503.742	275.000.000
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	4.500.000	2.192.400.000
- Công ty CP chế tạo bơm Hải Dương	14.127.208.842	21.601.563.454

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	2015	2014
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	327.682.592	3.032.866.616
	<u>327.682.592</u>	<u>3.032.866.616</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	100.724.611.238	95.452.656.612
Giá vốn của hàng hóa đã bán	103.008.611.311	81.830.920.840
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.761.518.405	22.652.603.412
	<u>231.494.740.954</u>	<u>199.936.180.864</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.341.315.553	4.901.201.330
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	60.294.798.333
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.750.000	-
	4.349.065.553	65.195.999.663

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	392.846.946	502.205.286
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	163.492.256	3.112.979
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.897.969	-
	558.237.171	505.318.265

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	296.138.583	687.030.652
Chi phí nhân công	857.839.940	909.816.071
Chi phí khấu hao tài sản cố định	151.278.321	144.307.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.742.977.253	2.630.256.154
Chi phí khác bằng tiền	5.321.099.095	4.014.874.848
Chi phí bảo hành	982.511.009	167.250.271
	10.351.844.201	8.553.535.033

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	745.665.322	682.221.584
Chi phí nhân công	5.991.703.268	6.573.333.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	610.257.470	603.051.134
Thuế, phí, lệ phí	2.733.471	81.156.112
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(20.000.000)	(155.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.322.843.916	2.380.290.242
Chi phí khác bằng tiền	5.028.139.995	5.904.790.923
	13.681.343.442	16.069.843.774

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

29 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	223.500.000	74.200.000
Tiền phạt thu được	-	77.190.246
Thu nhập khác	595.412.500	573.370.000
	818.912.500	724.760.246

30 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	411.910.841	-
Các khoản bị phạt	55.409.803	169.942.500
Chi phí khác	-	20.670.419
	467.320.644	190.612.919

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.180.353.805	31.242.869.418
Thu nhập tính thuế TNDN	31.180.353.805	31.242.869.418
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	2.507.755.537	2.448.250.958

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	27.584.433.142	27.627.679.600
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	27.584.433.142	27.627.679.600
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	32.089.370	32.089.370
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	860	861

(*) Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.353.945.819	86.484.257.830
Chi phí nhân công	24.701.556.130	23.694.793.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.156.466.371	3.722.736.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.787.704.799	6.185.435.488
Chi phí khác bằng tiền	14.244.160.246	11.879.484.824
	167.243.833.365	131.966.708.630

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.859.443.381	-	18.095.793.648	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	154.084.471.104	(1.061.940.787)	104.076.240.646	(1.081.940.787)
Các khoản cho vay	47.893.000.000	-	100.628.000.000	-
	220.836.914.485	(1.061.940.787)	222.800.034.294	(1.081.940.787)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	22.694.358.573	11.229.600.000
Phải trả người bán, phải trả khác	61.313.750.778	22.754.444.098
Chi phí phải trả	1.740.380.834	1.052.753.611
	85.748.490.185	35.036.797.709

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.859.443.381	-	-	18.859.443.381
Phải thu khách hàng, phải thu khác	153.022.530.317	-	-	153.022.530.317
Các khoản cho vay	47.893.000.000	-	-	47.893.000.000
	219.774.973.698	-	-	219.774.973.698

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.095.793.648	-	-	18.095.793.648
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.994.299.859	-	-	102.994.299.859
Các khoản cho vay	100.628.000.000	-	-	100.628.000.000
	221.718.093.507	-	-	221.718.093.507

1105.
CÔNG TY
KIỂM HỮU
KIỂM
AAS
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2015				
Vay và nợ	22.694.358.573	-	-	22.694.358.573
Phải trả người bán, phải trả khác	61.313.750.778	-	-	61.313.750.778
Chi phí phải trả	1.740.380.834	-	-	1.740.380.834
	85.748.490.185	-	-	85.748.490.185
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	11.229.600.000	-	-	11.229.600.000
Phải trả người bán, phải trả khác	22.754.444.098	-	-	22.754.444.098
Chi phí phải trả	1.052.753.611	-	-	1.052.753.611
	35.036.797.709	-	-	35.036.797.709

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ			
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	21.863.258.573		-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ			
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	10.398.500.000		-

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>6 tháng đầu năm</u> <u>2015</u> VND	<u>6 tháng đầu năm</u> <u>2014</u> VND
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Tổng Công ty	3.565.728.970	2.845.250.580
Công ty CP Khí cụ điện I	Thành viên TCT	356.702.700	602.830.715
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC - E	Thành viên TCT	6.029.365.531	1.805.591.193
Công ty CP chế tạo bơm Hải Dương	Thành viên TCT	3.383.859.452	2.441.658.144
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	Thành viên TCT	1.876.109.200	11.032.256.700



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

38 SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014, các báo cáo này đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét và kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**

<u>Mã số</u>	<u>Tên khoản mục</u>	<u>Số trước điều chỉnh</u>	<u>Mã số</u>	<u>Tên khoản mục</u>	<u>Số sau điều chỉnh</u>	<u>Chênh lệch</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	100.628.000.000				(100.628.000.000)
			123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	90.628.000.000	90.628.000.000
			135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
135	5. Các khoản phải thu khác	187.379.997	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	1.106.368.549	918.988.552
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	918.988.552	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(918.988.552)
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11.229.600.000	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.229.600.000	-
312	2. Phải trả người bán	21.928.470.395	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	21.928.470.395	-
313	3. Người mua trả tiền trước	1.657.014.749	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.657.014.749	-
316	6. Chi phí phải trả	1.052.753.611	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.052.753.611	-
			318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.767.517.405	2.767.517.405
338	0 8. Doanh thu chưa thực hiện	2.767.517.405			-	(2.767.517.405)
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	825.973.703	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	825.973.703	-
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	11.411.777.299	321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	7.660.117.990	(3.751.659.309)
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn	-	342	11. Dự phòng phải trả dài hạn	3.751.659.309	3.751.659.309

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số trước điều chỉnh	Mã số	Tên khoản mục	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	322.450.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	322.450.000.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	322.450.000.000	322.450.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	2.226.771.437	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	4.046.642.822	1.819.871.385
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	1.819.871.385				(1.819.871.385)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	215.690.864.838	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	215.690.864.838	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	159.951.925.464	159.951.925.464
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	55.738.939.374	55.738.939.374
			429	12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	16.627.678.057	16.627.678.057
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	16.627.678.057				(16.627.678.057)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

		-	24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(41.415.034.092)	(41.415.034.092)
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	(41.415.034.092)				41.415.034.092
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1.258.605.546	62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	1.258.605.546	-
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	27.627.679.600	61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	27.627.679.600	-



Lê Thanh Hải
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Yên
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2015

